

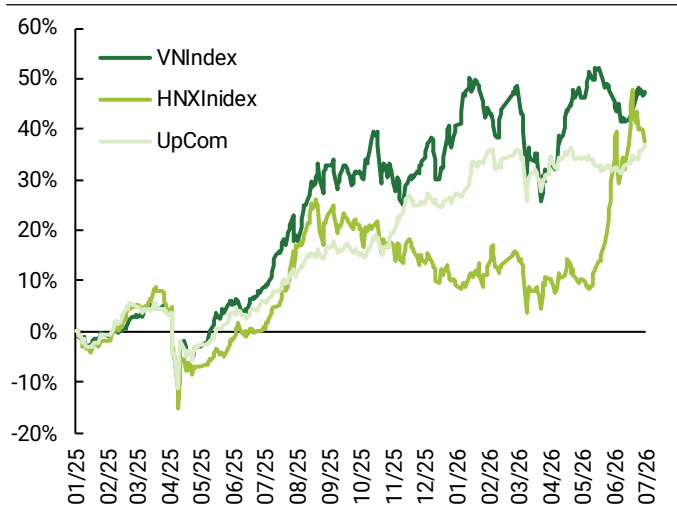
**VN-Index** **1867.21 (0.39%)**  
664 Tr. cổ phiếu 17280.6 Tỷ VND (-11.81%)

**HNX-Index** **313.16 (0.00%)**  
38 Tr. cổ phiếu 802.0 Tỷ VND (13.70%)

**UPCOM-Index** **129.57 (-0.28%)**  
42 Tr. cổ phiếu 619.2 Tỷ VND (67.56%)

**VN30F1M** **2014.00 (0.82%)**  
128,476 HD OI: 33,722 HD

### % Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1867.2, tăng +7.2 điểm (+0.39%). Thanh khoản đi ngang với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Sắc xanh ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex tham chiếu.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Dòng tiền tiếp tục luân chuyển nhanh giữa các nhóm ngành. Dù nhóm Vin hạ nhiệt gây sức ép, song, đà tăng vẫn giữ nhịp ở nhóm Ngân hàng tạo lực đỡ đối ứng.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Ngân hàng: VPB (+2.6%), HDB (+2.9%), OCB (+3.6%) | Thực phẩm và đồ uống: MCH (+5.0%), MCM (+5.6%) | Dầu khí: PVD (2.0%), BSR (5.4%) | Dịch vụ tài chính: HCM (+3.3%), VDS (+3.6%), APG (+7.0%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: KBC (-2.3%), VHM (-2.0%), VIC (-1.3%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-1.5%), HAH (-1.3%), GEX (-1.1%) | Xây dựng và Vật liệu: PC1 (-2.6%), VGC (-2.4%) | Bảo hiểm: BVH (-0.9%).  
Tác động chỉ số: Chiều tăng | MCH, VCB, BSR, TCB, VPB - Chiều giảm | VIC, VHM, VPL, LPB, STB.  
Khối ngoại Mua ròng hơn 300 tỷ, tập trung nhiều ở VPB, HDB, VIC, trong khi bán ròng VHM, HPG, VNM.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** vận động ổn định quanh khu vực 1850 - 1870 điểm. Độ rộng thị trường tiếp tục cải thiện với số mã bật tăng từ các vùng hỗ trợ gia tăng. Dù nhóm Vin hạ nhiệt gây sức ép, song, dòng tiền vẫn giữ nhịp ở nhóm Ngân hàng tạo lực đỡ đối ứng. Sự lan tỏa cũng tốt hơn đến các nhóm ngành khác. Nếu trạng thái tích lũy tiếp tục duy trì tốt, chỉ số có khả năng quay lại kiểm định vùng kháng cự 1880-1890 điểm. Động lượng cũng giữ được đà cải thiện, với MACD duy trì trên đường signal cùng RSI bật tăng trở lại trên ngưỡng trung bình, ủng hộ cho quán tính đi lên. Chiều ngược lại, vùng 1825 điểm đóng vai trò hỗ trợ gần trong ngắn hạn.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với nến Doji giằng co. Vận động đang chịu ảnh hưởng bởi biến động ở mã THD và KSF, rủi ro rung lắc hiện hữu nếu các cổ phiếu này mất đà. Hỗ trợ gần hiện quanh khu vực 300 điểm.
- **Chiến lược:** Vị thế nghiêng về nắm giữ. Đối với nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao có thể cân nhắc giao dịch ngắn hạn theo dòng tiền, nhưng nên ưu tiên giải ngân tại các nhịp điều chỉnh hoặc vùng hỗ trợ thay vì mua đuổi ở các phiên tăng mạnh. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Chứng khoán.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi BVB (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
<b>Theo chỉ số</b>												
VN-Index	1,867.2	0.4%	-0.6%	0.2%	17,280.6	-11.8%	-5.1%	-12.0%	664.3	-11.1%	4.7%	-3.7%
HNX-Index	313.2	0.0%	-1.6%	6.2%	802.0	13.7%	-17.5%	-8.9%	38.5	-7.5%	-33.3%	-22.8%
UPCOM-Index	129.6	-0.28%	1.7%	3.5%	619.2	67.6%	15.9%	44.8%	41.6	92.8%	42.3%	-0.7%
VN30	2,013.4	0.9%	0.2%	0.8%	11,086.6	5.6%	2.3%	-7.1%	346.1	10.8%	25.7%	14.8%
VNMID	2,139.6	0.42%	0.9%	-0.5%	4,685.5	-34.0%	-23.3%	-25.5%	206.5	-30.3%	-28.5%	-32.5%
VNSML	1,345.4	0.17%	0.3%	-1.1%	582.0	-25.9%	-26.9%	-31.8%	43.9	-16.6%	-18.6%	-28.2%
<b>Theo ngành (VNIndex)</b>												
Ngân hàng	667.9	1.3%	2.81%	3.8%	6,374.5	21.1%	18.3%	9.1%	281.9	17.1%	24.4%	15.7%
Bất động sản	988.1	-1.3%	-4.4%	3.6%	2,024.5	-26.3%	-35.2%	-46.5%	56.3	-27.2%	-17.9%	-39.4%
Dịch vụ tài chính	319.9	1.3%	1.9%	3.7%	2,388.1	-32.8%	-5.1%	-0.3%	104.3	-32.6%	-8.6%	-6.8%
Công nghiệp	262.4	-0.3%	0.0%	-4.6%	603.2	-55.3%	-21.4%	-31.3%	17.8	-55.7%	-21.8%	-33.2%
Tài nguyên cơ bản	516.4	0.5%	0.0%	-2.4%	489.6	-39.0%	-2.5%	-10.2%	24.6	-32.7%	0.2%	-8.4%
Xây dựng - Vật Liệu	171.9	-0.4%	1.7%	2.2%	483.2	-32.3%	-16.0%	-28.7%	24.6	-25.2%	-12.2%	-30.8%
Thực phẩm	493.2	1.7%	-5.0%	-29.0%	1,331.8	3.6%	20.6%	23.6%	23.0	-28.9%	-3.8%	-9.4%
Bán Lẻ	1,473.0	2.0%	2.5%	1.8%	628.6	38.1%	10.3%	5.2%	9.1	48.2%	16.6%	10.4%
Công nghệ	398.2	3.5%	2.7%	0.0%	901.1	68.7%	55.9%	11.4%	13.1	57.8%	48.7%	5.0%
Hóa chất	173.5	0.9%	-1.2%	-4.6%	205.0	-18.5%	-23.1%	-37.2%	6.8	-7.1%	-21.9%	-37.4%
Tiện ích	746.8	0.3%	-0.3%	-3.2%	465.9	33.4%	7.1%	38.5%	20.6	26.5%	-5.5%	32.3%
Dầu khí	104.0	4.0%	0.0%	-7.8%	499.9	-49.9%	-4.51%	10.7%	17.6	-43.4%	-0.7%	18.0%
Dược phẩm	402.9	0.22%	-0.3%	-2.4%	22.4	-21.2%	-19.4%	-45.4%	1.1	-13.2%	-9.6%	-35.0%
Bảo hiểm	101.2	-0.8%	-0.5%	-4.5%	20.6	31.8%	-23.4%	-31.0%	0.5	11.3%	-20.4%	-23.3%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,867.2	0.39%	4.6%	15.1x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,588	-0.19%	26.1%	16.7x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	5,695	0.92%	-34.1%	13.2x	1.5x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,349	-0.29%	0.4%	15.3x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,069	0.53%	0.3%	9.2x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,112	0.44%	3.6%	20.3x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	22,881	-	-10.7%	11.9x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	70,475	0.59%	40.0%	25.9x	3.3x
S&P 500	Mỹ	7,499	0.79%	9.6%	27.6x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	52,319	0.26%	8.9%	25.1x	6.1x
FTSE 100	Anh	10,457	-0.38%	5.3%	17.0x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,314	-0.22%	9.0%	18.2x	2.6x
DXY		101.3	0.23%	3.1%		
USDVND		26,308	-0.008%	0.0%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

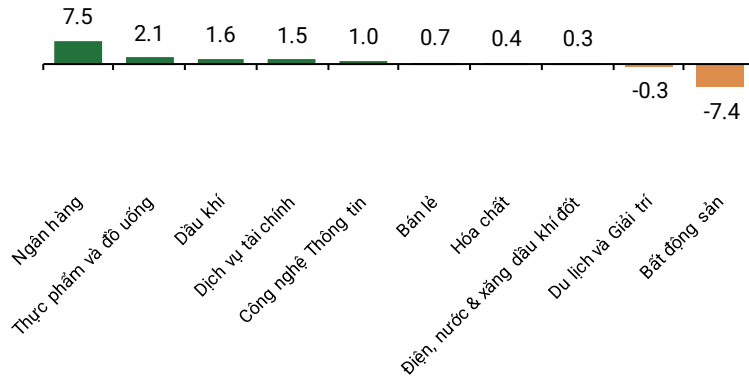
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.06%	-24.0%	18.6%	7.5%
Dầu WTI	▼	-1.21%	-25.5%	19.6%	4.9%
Khí gas	▼	-1.4%	1.6%	-12.4%	-5.4%
Than cốc (*)	▲	2.8%	15.7%	27.8%	61.4%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	-3.2%	1.3%	3.8%
PVC (*)	▲	1.2%	-9.9%	-3.1%	-8.8%
Phân Urea (*)	▼	-1.5%	-23.5%	0.0%	-6.3%
Cao su thiên nhiên	▼	-3.0%	-8.9%	16.4%	26.9%
Bông Cotton	▬	0.0%	-5.8%	12.4%	9.0%
Đường	▲	4.8%	4.0%	0.1%	-4.3%
World Container Index	▬	0.0%	48.8%	88.2%	39.7%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-2.1%	-7.7%	43.7%	94.8%
Vàng	▼	-0.45%	-11.0%	-7.6%	19.5%
Bạc	▼	-0.94%	-22.4%	-19.0%	61.1%

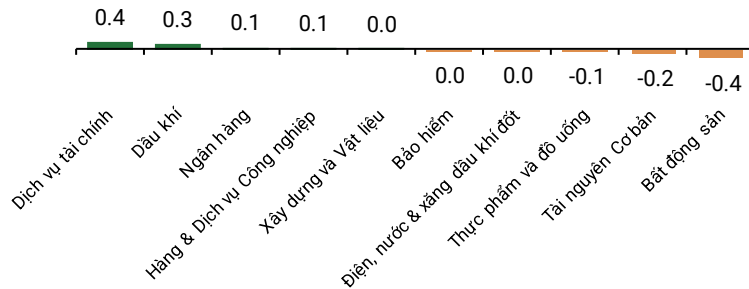
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

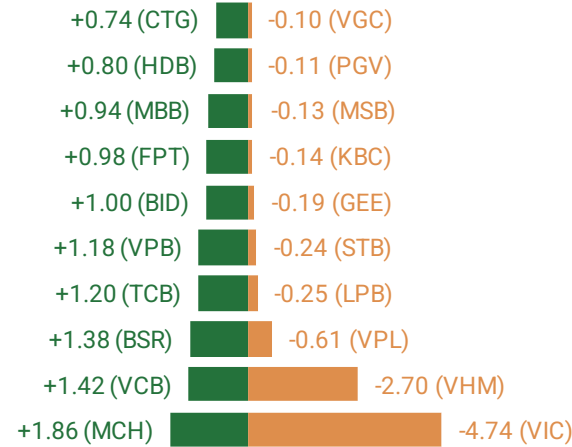
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



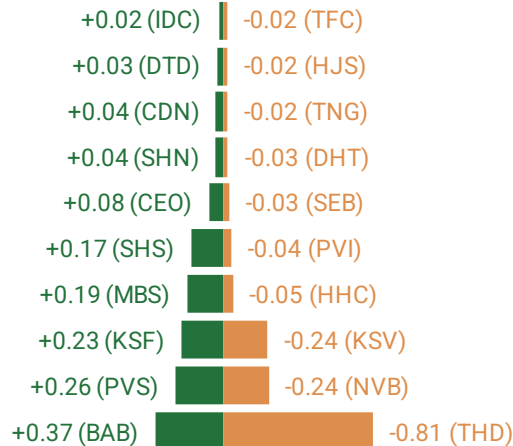
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

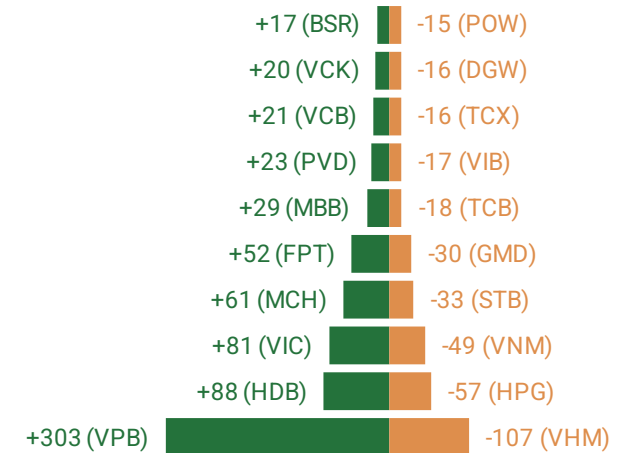


### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

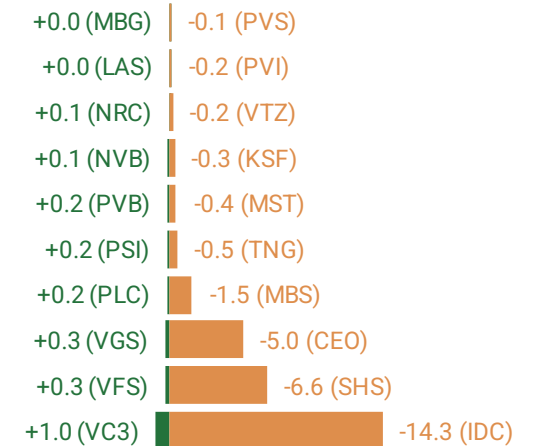


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



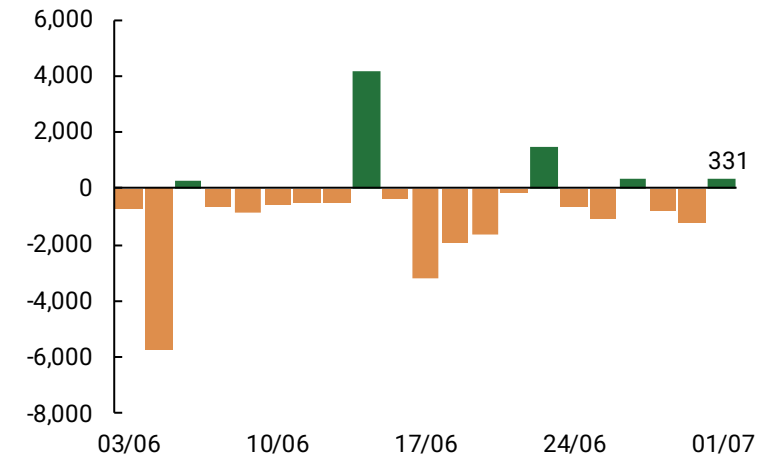
	FPT	VPB	SHB	MBB	HDB
%DoD	3.8%	2.6%	1.1%	2.2%	2.9%
Giá trị	840	704	629	548	542

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	HCM	SSB	VJC	MCH	MSN
%DoD	3.3%	1.9%	-0.1%	5.0%	0.6%
Giá trị	640	460	409	315	313

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



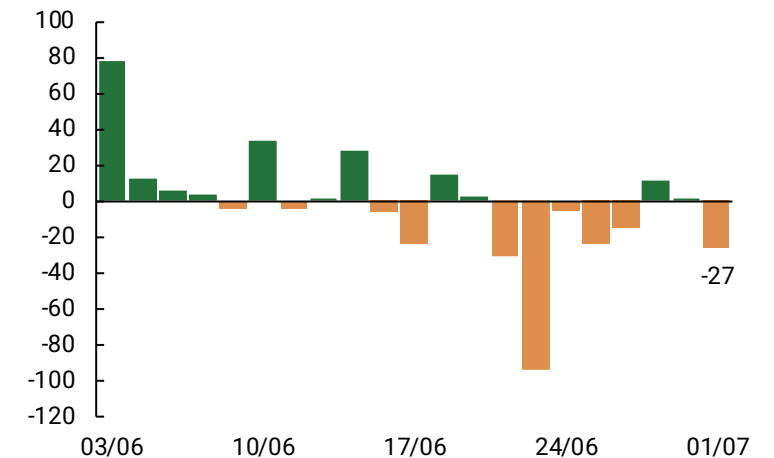
	SHS	PVS	MBS	CEO	VC3
%DoD	1.6%	2.1%	1.5%	1.4%	0.7%
Giá trị	134	62	55	54	42

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	KSF	IDC	TIG	ADC	ADC
%DoD	0.5%	0.2%	-1.6%	0.0%	0.0%
Giá trị	179	20	1	0	0

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol ngang mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1825.
- ✓ Kháng cự: 1880 | 1920.
- ✓ MACD giữ đà đi lên, trong khi RSI cải thiện trên ngưỡng trung bình.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

**Kịch bản:** Vận động tiếp tục giằng co quanh khu vực 1850 - 1870 điểm. Dù vậy, thanh khoản và độ rộng đã cải thiện trở lại. Trạng thái này cần tiếp tục được duy trì trong các phiên tới. Nếu tích lũy tốt, có thể kỳ vọng chỉ số quay lại thử thách vùng 1880 - 1890 điểm. Chiều ngược lại, hỗ trợ gần được nâng lên quanh mức 1825 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900 | 1970.
- ✓ Kháng cự: 2020 | 2070.
- ✓ MACD giữ đà đi lên, trong khi RSI cải thiện trên ngưỡng trung bình.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

**Kịch bản:** VN30 tiếp tục biến động quanh khu vực 2000 - 2010 điểm. Dù vậy, thanh khoản cải thiện cho thấy lực cầu chủ động hơn. Nếu các phiên tới chỉ số giữ được vận động trên ngưỡng 2015 điểm sẽ xác nhận cho đà tăng, và tiếp tục hướng đến vùng cản cao hơn quanh mốc 2040 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	<b>BVB</b>	<b>WATCH</b>	Current price	<b>13.90</b>	P/E (x)	16.8
Exchange	UPCoM		Watch zone	<b>13.5 - 13.6</b>	P/B (x)	1.2
Sector	Banks		Target price	15	EPS	829.0
			Cut loss price	12.9	ROE	7.1%
				Stock Rating		
				Scale Market Cap	Medium	



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên MA20, MA50 ngày.
  - Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt từ vùng cao nhưng vẫn giữ vận động đi lên, cho thấy động lượng điều chỉnh lành mạnh.
  - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
  - Ngưỡng 13 sau khi bứt phá đóng vai trò hỗ trợ mạnh.
- ➔ Xu hướng hạ nhiệt tích lũy thêm và có thể tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá điều chỉnh kiểm định lại khu vực 13.5 – 13.6.

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	<b>BVB</b>	Theo dõi	02/07/2026	13.9	13.5 - 13.6	-	15	10.7%	12.8	-5.5%	

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	<b>MBB</b>	Mua	05/05/2026	-	25.75	25.9 - 26.1	-1.0%	29	11.5%	24.4	-6.2%	
2	<b>VCB</b>	Mua	28/05/2026	-	63.0	63 - 63.5	-0.4%	70	10.7%	60	-5.1%	
3	<b>VLB</b>	Mua	11/06/2026	-	49.4	47.2 - 48	3.7%	52	9.2%	45.5	-4.4%	
4	<b>DHC</b>	Mua	11/06/2026	-	34.5	32.2 - 32.5	6.6%	35.5	9.7%	30.5	-5.7%	
5	<b>SHS</b>	Mua	15/06/2026	-	18.8	18.7 - 18.9	0.0%	20.8	10.6%	17.8	-5.3%	
6	<b>TPB</b>	Mua	17/06/2026	-	16.8	16.1 - 16.4	3.1%	18	10.8%	15.4	-5.2%	
7	<b>NAB</b>	Mua	22/06/2026	-	13.1	12.2 - 12.4	6.5%	13.6	10.6%	11.6	-5.7%	



### Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2014, tăng 16.4 điểm (+0.8%). Xu hướng phục hồi chiếm ưu thế trong vận động, nhưng giá vẫn chưa thể bứt phá.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD thu hẹp với đường signal, trong khi RSI ổn định trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi. Nếu giá tiếp tục giữ vững trên ngưỡng 2012, chiều Long có thể cân nhắc, gia tăng thêm nếu giá bứt phá ngưỡng 2026. Chiều ngược lại, vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2002.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1941.8, tăng 6.6 điểm (+0.3%). Độ lệch basis 0.4 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh cân bằng, đạt 15 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1930 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1950 điểm.

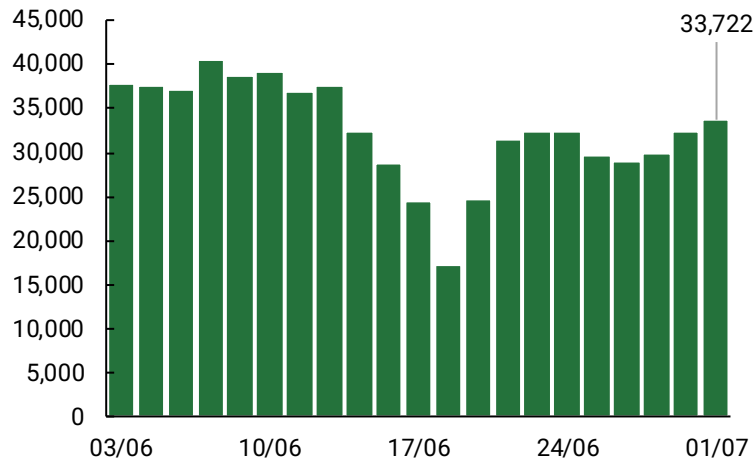
### Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2012	2024	2004	12 : 8
Long	> 2026	2040	2018	14 : 8
Short	< 2002	1990	2010	12 : 8

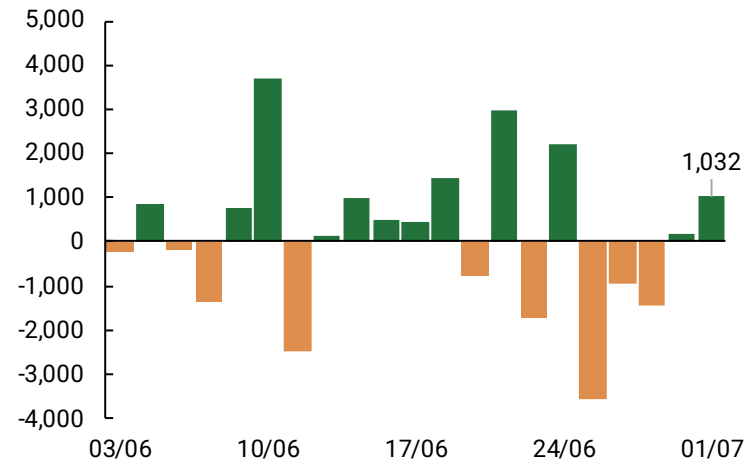
### Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,014.5	19.5	187	837	2,027.5	-13.0	17/12/2026	169
4111G9000	2,013.3	13.0	79	636	2,019.9	-6.6	17/09/2026	78
4111G8000	2,011.5	13.4	389	773	2,017.5	-6.0	20/08/2026	50
4111G7000	2,014.0	16.4	128,476	33,722	2,014.6	-0.6	16/07/2026	15
4112G7000	1,941.8	6.6	15	34	1,943.4	-1.6	16/07/2026	15

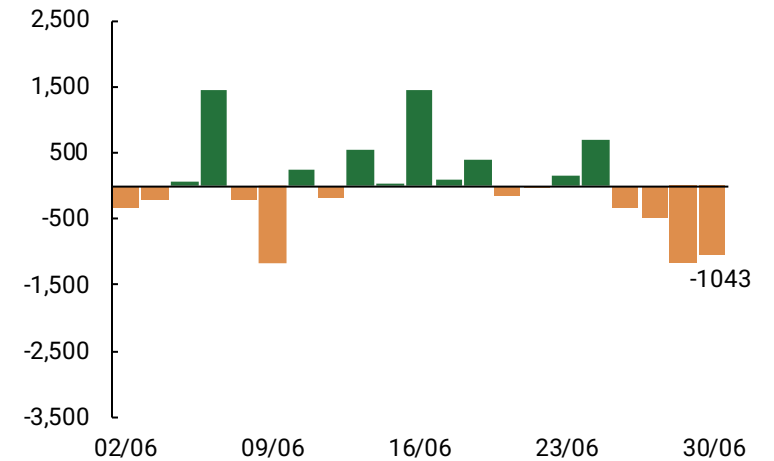
Khối lượng mở (Open interest)



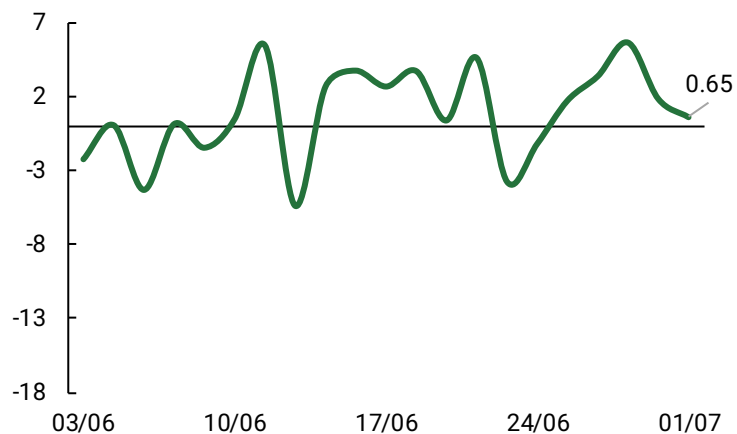
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



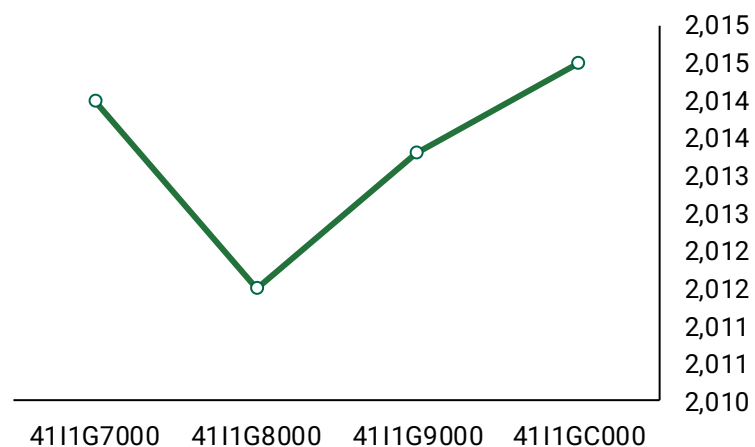
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



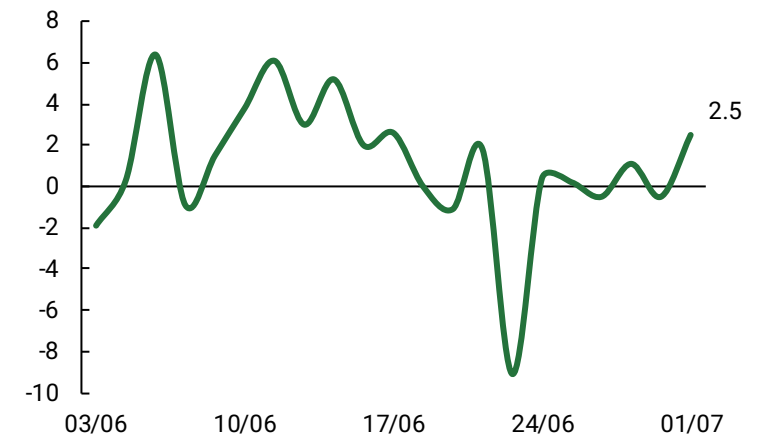
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



- 01/07 Việt Nam, Mỹ – Chỉ số PMI
- 02/07 Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 03/07 Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 2
- 09/07 Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 14/07 Mỹ – Chỉ số CPI  
Việt Nam – Công bố danh mục VN30  
Mỹ – Chỉ số PPI
- 15/07 Trung Quốc – GDP Q2, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ  
Canada – BOC họp và công bố lãi suất
- 16/07 Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng tương lai VN30, VN100
- 20/07 Trung Quốc – Lãi suất cho vay 1y, 5y  
Việt Nam – Hạn BCTC quý 2/2026 đơn lẻ
- 23/07 EU – ECB công bố lãi suất
- 30/07 Mỹ – FED họp và công bố lãi suất  
Việt Nam – Hạn BCTC quý 2/2026 (công ty mẹ, hợp nhất, tổng h

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Nhiều chính sách mới trong nước có hiệu lực từ tháng 7:** Từ ngày 1/7, lương cơ sở tăng từ 2.34 triệu đồng lên 2.53 triệu đồng/tháng, trong khi lương hưu và trợ cấp BHXH tăng thêm 8%. Cùng thời điểm, chuyển nhượng tài sản số bắt đầu chịu thuế 0.1% trên giá trị giao dịch, đánh dấu bước tiến trong hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường tài sản mã hóa. Hà Nội cũng triển khai thí điểm vùng phát thải thấp tại khu vực hồ Hoàn Kiếm và phố cổ, thúc đẩy xu hướng giao thông xanh và kiểm soát ô nhiễm đô thị.

**Kho dự trữ dầu Mỹ chạm đáy 43 năm, an ninh năng lượng tiếp tục được chú ý:** Kho Dự trữ Dầu mỏ Chiến lược của Mỹ giảm xuống 325.7 triệu thùng, mức thấp nhất kể từ năm 1983, sau khi Washington tiếp tục xả kho để bình ổn giá nhiên liệu. Dù thị trường dầu toàn cầu có dấu hiệu hạ nhiệt khi nguồn cung được cải thiện, lượng dự trữ thấp khiến Mỹ còn ít dư địa can thiệp nếu giá dầu tăng trở lại do rủi ro địa chính trị hoặc gián đoạn vận tải.

**Iran và Oman họp về cơ chế quản lý eo biển Hormuz:** Iran và Oman đã tổ chức cuộc họp đầu tiên về quản lý eo biển Hormuz sau thỏa thuận khung Mỹ - Iran, trong đó hai bên trao đổi về cơ chế vận hành tương lai của tuyến hàng hải chiến lược này. Dù Hormuz đã hạ nhiệt so với giai đoạn căng thẳng trước đó, bất đồng về đàm phán kỹ thuật giữa Mỹ và Iran cho thấy rủi ro đối với vận tải dầu mỏ toàn cầu vẫn cần được theo dõi.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**VHM - Rót vốn cùng VinSpeed làm tuyến đường sắt tốc độ cao 5.6 tỷ USD:** Vinhomes thông qua nghị quyết hợp tác với VinSpeed để đầu tư, xây dựng, vận hành và kinh doanh tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh. Dự án đi qua Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng và Quảng Ninh, với tổng vốn đầu tư khoảng 5.6 tỷ USD. VHM cam kết góp tối đa 85% tổng mức đầu tư sau khi trừ phần vốn VinSpeed huy động từ bên thứ ba, nhưng không vượt quá 35% tổng tài sản của công ty tại từng thời điểm.

**NVB - Hoàn tất phát hành riêng lẻ 1 tỷ cổ phiếu, thu về 10,000 tỷ đồng:** NCB đã hoàn thành đợt phát hành 1 tỷ cổ phiếu phổ thông với giá 10,000 đồng/cp, qua đó thu về 10,000 tỷ đồng và nâng vốn điều lệ lên gần 29,300 tỷ đồng. Sau phát hành, ngân hàng xuất hiện 22 cổ đông cá nhân nắm trên 1% vốn, trong đó có 10 người sở hữu trên 4.9% nhưng không vượt quá 5%.

**IDC - Chốt quyền chia cổ tức 25% bằng tiền và cổ phiếu:** IDICO sẽ chốt danh sách cổ đông vào ngày 24/7 để trả cổ tức năm 2025 với tổng tỷ lệ 25%, gồm 15% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Với gần 379.5 triệu cổ phiếu lưu hành, doanh nghiệp dự kiến chi hơn 569 tỷ đồng tiền mặt và phát hành thêm khoảng 37.9 triệu cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

**PVC - Chào bán 78.8 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 1,600 tỷ đồng:** PVChem thông qua phương án chào bán thêm 78.8 triệu cổ phiếu ra công chúng với giá 10,000 đồng/cp, dự kiến huy động 788 tỷ đồng trong giai đoạn 2026–2027. Sau phát hành, vốn điều lệ doanh nghiệp dự kiến tăng lên 1,600 tỷ đồng; nguồn vốn thu được sẽ được dùng để tăng vốn cho các công ty thành viên, góp vốn vào dự án khí công nghiệp Cái Mép và bổ sung vốn lưu động.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	52,800	73,400	39.0%	Mua
CTG	34,400	45,200	31.4%	Mua
CTD	72,500	82,900	14.3%	Tăng tỷ trọng
DBD	51,100	68,000	33.1%	Mua
DDV	22,672	35,900	58.3%	Mua
DGW	40,100	47,500	18.5%	Tăng tỷ trọng
DPG	38,000	42,300	11.3%	Tăng tỷ trọng
DPR	38,950	46,500	19.4%	Tăng tỷ trọng
DRI	13,149	17,200	30.8%	Mua
EVF	13,300	14,400	8.3%	Nắm giữ
FRT	122,100	151,000	23.7%	Mua
GMD	74,300	92,700	24.8%	Mua
HAH	51,500	60,300	17.1%	Tăng tỷ trọng
HDG	20,800	30,900	48.6%	Mua
HHV	11,450	12,300	7.4%	Nắm giữ
HPG	23,450	30,700	30.9%	Mua
IMP	41,800	55,000	31.6%	Mua
KDH	21,850	38,800	77.6%	Mua
MCH	140,700	177,200	25.9%	Mua
MWG	80,000	115,600	44.5%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,750	34,000	32.0%	Mua
NLG	26,700	39,400	47.6%	Mua
NT2	23,000	27,700	20.4%	Mua
PHR	63,500	72,800	14.6%	Tăng tỷ trọng
PNJ	62,700	75,500	20.4%	Mua
PVS	38,900	39,900	2.6%	Nắm giữ
PVT	20,200	18,900	-6.4%	Giảm tỷ trọng
POW	14,600	15,000	2.7%	Nắm giữ
SAB	48,350	57,900	19.8%	Tăng tỷ trọng
SSI	27,200	32,100	18.0%	Tăng tỷ trọng
TLG	50,000	50,900	1.8%	Nắm giữ
TCB	34,300	41,700	21.6%	Mua
TCM	20,100	35,300	75.6%	Mua
TRC	80,800	94,800	17.3%	Tăng tỷ trọng
VCB	63,000	84,200	33.7%	Mua
VPB	27,700	36,500	31.8%	Mua
VCG	20,950	26,200	25.1%	Mua
VHC	60,000	58,000	-3.3%	Giảm tỷ trọng
VNM	55,200	66,650	20.7%	Mua

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801